

SƠ LƯỢC TIN MỪNG

MẠC KHẢI VỀ SÁCH THÁNH

1. Đâu là nguồn gốc của Sách Thánh?

"Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mặc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Người (x. Ep 1,9). Nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Ki-tô, Ngôi Lời Nhập Thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa (x. Ep 2,18; 2Pr 1,4). Trong việc mặc khải này, với tình thương chan chứa của Người, Thiên Chúa vô hình (x. Xh 33,11; Ga 15,14-15) ngỏ lời với loài người như với bạn hữu. Người đối thoại với họ (x. Br 3,38) để mời gọi và đón nhận họ hiệp nhất với Người" (MK 2).

Thiên Chúa đã nói với loài người khi nào, qua ai ?

"Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử (Giê-su)" (Dt 1,1-2).

Thiên Chúa đã nói cách đây hàng mấy chục thế kỷ, làm sao tôi có thể nghe được hôm nay?

"Thuở xưa" Lời Chúa phán dạy đã tạo thành một dân tộc được tuyển chọn để nghe và giữ lời Thiên Chúa. Lời ấy đã được lưu giữ trong giáo huấn, đời sống và phụng tự của Dân Thiên Chúa trong thời Cựu Ước và đã được ghi chép thành Sách Thánh, tức là sách Cựu Ước.

Còn lời Thiên Chúa đã phán qua Thánh Tử Giê-su đã được truyền lại cho chúng ta nhờ sứ vụ của các Tông Đồ: "Hoặc qua lời giảng dạy, gương lành và các thể chế, các ngài đã truyền lại những gì đã nhận lãnh từ miệng Chúa Ki-tô, khi chung sống với Người và thấy Người hành động, hoặc đã học biết được nhờ Chúa Thánh Thần soi sáng; một phần do chính các ngài và những người phụ tá

các ngài đã viết lại Tin Mừng cứu rỗi dưới sự linh hứng của cùng một Chúa Thánh thần" (MK 7). Đó là sách Tân Ước.

2. Làm sao biết được đây là Sách Thánh?

Hàng ngày trong khi cử hành phụng vụ, sau khi đọc Sách Thánh, người đọc hô lên: "Đó là Lời Chúa", và toàn thể cộng đoàn đáp lại: "Tạ ơn Chúa." Đó là một lời tuyên xưng đức tin. "Sách Thánh là Lời Chúa nói. Vì được ghi chép lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần" (MK 9). Như vậy thì chỉ có Thánh Thần mới có thể làm cho Hội Thánh nhận ra "đó là Lời Chúa".

Trong Hội Thánh, Chúa Giê-su đã trao cho các Tông Đồ và các đấng kế vị quyền giáo huấn để "dạy người ta tuân giữ mọi điều Chúa đã truyền" (x.Mt 28,20), và đã ban Thánh Thần cho các vị này để thi hành sứ mạng (x.Ga 20,21-22). Thánh Thần đã dùng các vị này để giúp cộng đoàn Hội Thánh dần dần xác định những sách nào là Sách Thánh. Vào thế kỷ IV Hội Thánh Công Giáo đã có những bản kê khai các sách được nhìn nhận là Sách Thánh: đó là quy điển, tức là những sách được Thánh Thần linh hứng và có giá trị để Hội Thánh quy chiếu vào đó mà biết những gì phải tin và những gì phải thực hành trong đời sống. Ngày nay Hội Thánh Công Giáo vẫn trân trọng tôn kính, giữ gìn và tuyên đọc Lời Chúa trong bộ Sách Thánh gồm phần Cựu Ước (46 cuốn) và Tân Ước (27 cuốn).

3. Sách Thánh trong đời sống của Ki-tô hữu

"Hội Thánh luôn tôn kính Sách Thánh như chính Thân Thể Chúa. Nhất là trong Phụng Vụ Thánh, Hội Thánh không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa cũng như từ bàn tiệc Mình Chúa Ki-tô để ban phát cho các tín hữu" (MK 21).

Lời Chúa và bí tích Thánh Thể là hai cách hiện diện của Chúa Ki-tô Phục Sinh. Tin Mừng theo thánh Lu-ca gợi cho chúng ta điều ấy trong câu chuyện hai môn đệ trên đường Em-mau: Họ thấy lòng mình bừng cháy khi Chúa Giê-su nói với họ và giải nghĩa Sách

Thánh cho họ trên đường, và họ nhận ra Người khi Người "cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng và bẻ ra trao cho họ" (x. Lc 24,13-32).

Lời Chúa và bí tích Thánh Thể là của ăn thông ban và nuôi dưỡng sự sống đời đời nơi chúng ta. Trong Cựu Ước, khi dẫn dân Chúa đi trong hoang địa, Thiên Chúa nuôi họ bằng man-na và Lời Chúa: "Người đã bắt anh em phải cùng cực, phải đói, rồi đã cho anh em ăn man-na là của ăn anh em chưa từng biết và cha ông anh em cũng chưa từng biết, ngõ hầu làm cho anh em nhận biết rằng người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn sống nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra" (Đnl 8,3). Trong thời của Giao Ước Mới này, Chúa Ki-tô Phục Sinh đồng hành với dân mới. Người nuôi chúng ta bằng Lời Chúa và bằng Mình Máu Thánh Người. - "Ai tuân giữ lời tôi, thì sẽ không bao giờ phải chết" (Ga 8,51) - "Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống" (Ga 6,51).

"Hội Thánh luôn công bố Lời Chúa khi cử hành các bí tích và các giờ kinh phụng vụ, vì Sách Thánh phân phát cách bất di bất dịch Lời của chính Thiên Chúa và làm vang dội tiếng nói của Chúa Thánh Thần qua các ngôn sứ cùng các Tôn g Đồ. Bởi vậy, mọi lời giảng dạy trong Hội Thánh cũng như chính đạo thánh Chúa Ki-tô phải được Sách Thánh nuôi dưỡng và hướng dẫn. Thực tế, trong các Sách Thánh, Cha trên trời đến gặp gỡ con cái mình và ngỏ lời với họ bằng tất cả lòng trù mến" (Mk 21).

Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã nhắc lại lời thánh Giê-rô-ni-mô: "Không biết Sách Thánh là không biết Chúa Ki-tô" rồi khuyến khích các tu sĩ "hăng hái tiếp xúc với chính bản văn Sách Thánh" và khẳng định: "Các giám mục có phận sự dạy dỗ cách thích hợp cho các tín hữu đã được trao cho mình biết sử dụng đúng đắn Sách Thánh, nhất là Tân Ước và trước tiên là các sách Tin Mừng, nhờ các bản dịch. Các bản dịch này phải được kèm theo những lời giải

thích cần thiết và đầy đủ, để con cái Hội Thánh có thể sử dụng Sách Thánh cách bảo đảm và ích lợi, và được thấm nhuần tinh thần Sách Thánh" (MK 25).

Hội Thánh muốn trao Sách Thánh vào tay mỗi người tín hữu và cả những người ngoài Ki-tô giáo, bởi vì "cũng như đời sống Hội Thánh được tăng triển nhờ năng lãnh nhận bí tích Thánh Thể thì cũng có thể hy vọng đời sống thiêng liêng sẽ có một đà tiến mới nhờ gia tăng lòng sùng kính Lời Chúa", là lời "hằng tồn tại muôn đời" (x. MK 25-26).

4. Làm thế nào để hiểu Sách Thánh?

Sách Thánh là Lời Chúa đã thành lời người, cũng như Đức Ki-tô là Lời Chúa đã thành người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Cả hai là công trình của Thánh Thần: Lời Chúa thành lời người do Thánh Thần linh hứng cho các tác giả viết ra; Lời Chúa thành người phàm do Thánh Thần tạo dựng tác động trong lòng Trinh Nữ Ma-ri-a. Công Đồng khẳng định: "Lời của Chúa diễn tả qua ngôn ngữ của loài người, được đồng hoá với tiếng nói loài người, cũng như xưa Lời của Chúa Cha hằng hữu đã trở nên giống loài người, sau khi nhận lấy sự yếu đuối của xác phàm" (MK 13).

Tính cách "nhập thể" này khiến người ta phải nhờ đến các phương pháp nghiên cứu lịch sử, ngôn ngữ, xã hội, các phương pháp phân tích văn chương để "tìm hiểu điều các tác giả Sách Thánh thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ" (x.MK12). Công việc này Công Đồng kêu gọi các nhà chuyên môn thực hiện để giúp những người có nhiệm vụ rao giảng Lời Chúa "truyền đạt kho tàng bao la của Lời Chúa cho các tín hữu". Còn chính "những người có bổn phận phục vụ Lời Chúa? phải gắn bó với Sách Thánh nhờ chăm đọc và ân cần học hỏi? để khỏi trở thành kẻ huênh hoang rao giảng Lời Thiên Chúa ngoài

môi miệng bởi không lắng nghe Lời Thiên Chúa trong lòng" (x. MK 23-26).

"Nhưng Sách Thánh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, nên cũng phải được đọc và chú giải trong Chúa Thánh Thần." Muốn thế, phải tôn trọng toàn thể hoạt động của Thánh Thần, nghĩa là "phải ân cần lưu ý đến nội dung, và sự thống nhất toàn bộ Kinh Thánh, dựa trên truyền thống sống động của toàn Hội Thánh và trên sự tương hợp toàn bộ đức tin" (MK 12).

Vậy phải chăng người Ki-tô hữu giáo dân (không phải là giáo sĩ, tu sĩ, nhà nghiên cứu?) đành chỉ chờ nghe giảng dạy chứ không được cầm Sách Thánh trong tay mà đọc? Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã ra lệnh: "Phải mở rộng lối vào Kinh Thánh cho các Ki-tô hữu" (MK 22). Trách nhiệm của các giám mục là "dạy các Ki-tô hữu biết sử dụng đúng đắn Sách Thánh? nhờ các bản dịch" (MK 25). Như vậy Công đồng khuyến khích mọi Ki-tô hữu trực tiếp tiếp xúc với Sách Thánh.

5. Làm thế nào để được Lời Chúa nuôi dưỡng như lương thực?

Công việc của các nhà nghiên cứu và các người rao giảng là giúp người Ki-tô hữu hiểu Lời Chúa trong Sách Thánh. Nhưng sự hiểu biết đó không sinh ích gì nếu mỗi người không trở thành mảnh đất tốt đón nhận hạt giống Lời Chúa, nghĩa là "những kẻ nghe Lời Chúa với tấm lòng cao thượng và quảng đại, rồi nắm giữ và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả" (Lc 8,15).

Thánh Phê-rô tuyên xưng : "Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời" sau khi Chúa Giê-su tuyên bố: "Thần Khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là Thần Khí và là sự sống" (Ga 6,63.68). Chính vì "tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng" (2 Tm 3,16) và "chính nhờ có Thánh Thần thúc đẩy mà có những người nói theo lệnh của Thiên Chúa" (2Pr 1,21), nên Lời Thiên Chúa có sức thông

ban Thần Khí cho chúng ta tương tự như các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể. Do đó điều trước tiên là chúng ta phải cung kính đọc hoặc nghe với đức tin cũng như khi lãnh nhận các bí tích.

Khung cảnh thuận lợi nhất để đón nhận Lời Chúa là khi cử hành các giờ kinh phụng vụ và các bí tích, vì những lúc ấy tâm hồn chúng ta được chuẩn bị, và phụng vụ nâng đỡ chúng ta.

Ngoài khung cảnh phụng vụ, chúng ta có thể đọc và suy niệm chiêm ngắm Lời Chúa. Đây là hình thức đón nghe Lời Chúa trong cầu nguyện đã có từ thời Dân Chúa bị lưu đày ở Ba-by-lon (thế kỷ VI trước CN). Khi không còn phụng vụ tế tự tại đền thờ Giê-ru-sa-lem, Dân Chúa mới chú ý đến lời ông Mô-sê và các ngôn sứ. Họ tụ họp nhau trong Hội đường (ngày sa-bát) để nghe lại Lời Chúa đã phán dạy qua ông Mô-sê và các ngôn sứ. Họ lắng nghe và nghiền ngẫm, đối chiếu với những gì họ đang sống. Nhờ đó họ hiểu được nguyên nhân cuộc sống hiện tại là do tội lỗi của họ gây ra, đồng thời họ tìm được niềm hy vọng vì khi các ngôn sứ răn đe thì cũng công bố lời hứa cứu độ. Như thế Lời Chúa dạy cho họ biết hoán cải và hy vọng. Từ đó họ ăn năn thống hối, cầu xin ơn tha tội, ơn giải phóng, ơn cứu độ?

Trong các văn kiện gần đây, Đức Gio-an Phao-lô II đã đề cao việc suy niệm chiêm ngắm Lời Chúa (xem Tông huấn về "đào tạo linh mục" số 47; "Đời sống thánh hiến" số 94; sứ điệp nhân "ngày quốc tế giới trẻ" 1997 tại Paris, số 6). Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả vài nét về cách suy niệm chiêm ngắm Lời Chúa này, dựa theo cách giải thích của Đức Hồng Y Carlo Maria Martini. Có thể phân biệt ba bước trong tiến trình suy niệm chiêm ngắm Lời Chúa :

a. Đọc

Bắt lấy những yếu tố quan trọng của bản văn bằng cách chú ý đến các động từ, các chủ từ, các tình cảm, tính cách của hành động, các sự việc nối tiếp nhau vì lý do nào. Nếu chịu khó đọc đi đọc lại, sẽ luôn thấy mới mẻ. Liên tưởng đến những đoạn tương tự trong

Sách Thánh giúp ta chuyển từ mạch văn trước mắt đến những viễn tượng rộng lớn hơn, vì toàn Sách Thánh là một cuốn sách duy nhất. Đây là việc khảo sát bản văn, ai cũng có thể làm được. Có thể nói đọc là tra vấn bản văn.

b. Suy niệm

Khi đọc ta mới chỉ chú ý đến ý nghĩa của các từ ngữ. Suy niệm là nghiền ngẫm về những tình cảm, những hành động, những thái độ do kết cấu của các từ ngữ gợi lên: có thể là thái độ của Thiên Chúa đối với con người: lòng thương xót, sự thành tín, sự công chính; hoặc thái độ của con người đối với Thiên Chúa và với nhau: ngợi khen, cảm tạ, thống hối - phản bội, dối trá, hèn nhát? .

Nghiên ngẫm giúp ta nhận ra những giá trị thường hằng hàm chứa trong bản văn. Sau đó ta đối chiếu với tình trạng bản thân: tôi đảm nhận những giá trị thường hằng đó như thế nào? Đó là để cho Lời Chúa tra vấn, dạy dỗ, an ủi, mời gọi ta.

Việc suy niệm như thế khơi dậy trong chúng ta những tâm tình, những ước nguyện để thân thưa với Thiên Chúa: ngợi khen, cảm tạ, thống hối, cầu xin, dâng hiến? Lời Chúa đưa ta đến chỗ đáp lại, đối thoại với Người. Đó là cầu nguyện, như Công Đồng nói: "Cầu nguyện phải đi đôi với việc đọc Sách Thánh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì chúng ta ngỏ lời với Thiên Chúa khi cầu nguyện và chúng ta nghe Người nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn của Chúa" (MK 25).

c. Chiêm ngắm

Việc nghiền ngẫm và cầu nguyện dần dần tập trung lại trong việc chiêm ngắm chính mầu nhiệm Chúa Giê-su hiện diện trong mọi trang Sách Thánh và nhất là trong sách Tin Mừng. Thánh Thần đưa chúng ta vượt qua bản văn để cảm nghiệm và sống với sự hiện diện của Thiên Chúa đang hành động trong mọi biến cố Sách Thánh kể lại.

Như vậy chúng ta đi từ bản văn đến những giá trị bản văn nêu lên và cuối cùng đến với chính Đấng hành động trong các biến cố và đang nói với ta.

Bước thứ nhất (đọc) có thể nhờ người giải thích, giúp đỡ. Bước thứ hai (suy niệm chiêm ngắm) mỗi người phải đích thân đi vào với ơn Chúa giúp. Bước thứ ba hoàn toàn do Thánh Thần khơi dậy trong chúng ta.

Nhờ suy niệm chiêm ngắm Lời Chúa, mỗi người sẽ được Thiên Chúa đưa vào một kinh nghiệm đích thân gặp gỡ Thiên Chúa, vì Thiên Chúa ngỏ lời với chúng ta cốt để đưa chúng ta vào mầu nhiệm của Người, chia sẻ cho chúng ta sự sống của Người.

NHÌN TỔNG QUÁT VỀ CÁC SÁCH TIN MỪNG

1. Tin Mừng là gì ?

Theo nguyên ngữ Hy Lạp, từ “**euaggelion**” không chỉ về một cuốn sách, nhưng có nghĩa là *Tin Mừng, Tin Vui* (“eu” = tốt, vui; “aggelion” = tin). Trong Cựu Ước *Tin Mừng* là nói đến sự giải thoát, ơn cứu độ trong tương lai. Trong Tân Ước *Tin Mừng* chính là sự giải thoát, ơn cứu độ được thực hiện nơi Đức Giê-su Ki-tô. Nên khi nói đến “Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô”, ta có thể hiểu theo hai nghĩa :

+ Tin Mừng của Đức Giê-su Ki-tô, tức là Tin Mừng do chính Người rao giảng (x. Mc 1,15 ; Mt 11,5 ; Lc 4,18).

+ Tin Mừng về Đức Giê-su Ki-tô, nghĩa là lời rao giảng của các Tông Đồ về Đức Giê-su Ki-tô và ơn cứu độ do Người mang đến (x. Cv 5,42 ; Rm 1,1-3a).

Sau nghĩa là *Tin Vui, Tin Mừng*, từ “euaggelion” còn mang một nghĩa hơi khác vào giữa thế kỷ thứ hai đó là : *sách Tin Mừng*. Thánh Giút-ti-nô là người đầu tiên dùng từ “euaggelion” theo nghĩa mới này.

Như thế, thoát đầu, từ “euaggelion” - *Tin Mừng* không phải là một cuốn sách, một tác phẩm văn chương hay lịch sử, nhưng sở dĩ các tác phẩm của các thánh Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca, và Gio-an được gọi là *sách Tin Mừng*, vì các ngài đã rao giảng tin vui cứu độ cho nhân loại bằng cách thuật lại Tin Mừng của Đức Giê-su Ki-tô và chính cuộc đời của Người.

2. Quá Trình hình thành các sách Tin Mừng.

a. Giai đoạn truyền khẩu

Đức Giê-su không hề cầm bút để lại cho hậu thế một tác phẩm nào liên quan đến sự nghiệp và thân thế của Người. Với một thời gian dài sống ẩn dật tại Na-da-rét, Đức Giê-su đã bắt đầu thi hành sứ vụ công khai của mình trong khoảng ba năm. Ngài loan báo Tin Mừng cứu độ và chứng thực Tin Mừng đó bằng các dấu lạ : chữa bệnh nhân khỏi bệnh hoạn tật nguyên, trừ quỷ, làm cho kẻ chết sống lại ...; cuối đời, Ngài hoàn tất sứ vụ bằng cuộc khổ nạn trên thập giá và được Thiên Chúa tôn vinh trong mầu nhiệm Phục Sinh. Sau đó, các Tông đồ và môn đệ tiếp tục sứ vụ của Thầy mình, nhưng trọng tâm của lời rao giảng là chính Đức Giê-su Ki-tô. Nội dung của lời rao giảng tiên khởi (“kerygma”) đó tập trung chủ yếu vào biến cố tử nạn và phục sinh của Đức Giê-su.

Những chi tiết về hành động và lời nói của Đức Giê-su được các Tông Đồ kể lại trong lúc rao giảng đã làm nổi bật quyền năng cũng như giáo huấn của Đức Giê-su và từ đó dần dần họ xác định được sứ mạng và thiên tính của Đức Giê-su Ki-tô. Có thể nói, trong gần bốn mươi năm trời, các truyền khẩu này ngày càng được hình thành cách rõ nét. Nhờ việc rao giảng, nhờ các buổi cử hành nghi thức Bẻ Bánh, nhờ những buổi tranh luận về giáo lý... những truyền khẩu ban đầu đã được lưu giữ và trở nên một truyền thống sống động trong các cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi.

b. Giai đoạn chép thành sách Tin Mừng

Đến một lúc nào đó, nhất là khi các chứng nhân thuộc thế hệ đầu tiên cứ dần dần khuất đi, nhiều người trong Giáo Hội sơ khai nhận thấy cần phải lưu giữ lại những truyền khẩu Tin Mừng. Và những cuốn sách đầu tiên đã được ra đời, ban đầu chỉ là những tập sách nhỏ như ghi lại các lời tuyên xưng đức tin, hay những sưu tập về các lời nói của Đức Giê-su hoặc những trình thuật đơn giản về

cuộc thương khó của Đức Giê-su ...Sau đó, các tác giả soạn sách Tin Mừng đã thu gom những truyền khẩu, các tài liệu do các chứng nhân đã phục vụ lời Chúa truyền lại, cũng như những bộ sưu tập nhỏ về cuộc đời Đức Giê-su Ki-tô, dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần, các ngài đã miệt mài gắng công trung thành với truyền thống để hoàn thành bộ sách Tin Mừng. Mặc dù chỉ có một Tin Mừng duy nhất của Đức Giê-su Ki-tô, nhưng Tin Mừng ấy được Hội Thánh lưu truyền đến ngày nay dưới hình thức bốn quyển sách của các tác giả Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca, và Gio-an.

3. Tin Mừng Nhất Lãm là gì ?

Trong bốn sách Tin Mừng thì ngoài Tin Mừng thứ tư có những đặc tính riêng và dị biệt, cho phép chúng ta đặt sang một bên, mặc dù nó vẫn liên lạc với ba tác phẩm kia là những chứng từ được biên soạn trước nó. Ngoài ra, các tác giả Mát-thêu (Mt), Mác-cô (Mc) và Lu-ca (Lc) trình bày ba sách Tin Mừng đều theo một thứ tự chung giống nhau, đến nỗi, với một cái nhìn chung duy nhất, độc giả có thể so sánh các đoạn hoặc trình thuật được xếp thành ba cột song song với nhau, để dễ nhận thấy các điểm tương đồng và những yếu tố dị biệt.

a. Một bố cục giống nhau ở Tin Mừng Nhất Lãm.

Độc giả dễ dàng khám phá ra một khung gồm bốn phần trong ba sách Tin Mừng Nhất Lãm :

<i>Nội dung của từng giai đoạn</i>	Mt	Mc	Lc
1. Dọn đường cho sứ vụ của Đức Giê-su Ki-tô	3,1-4,11	1,1-13	3,1-4,13
2. Sứ vụ của Đức Giê-su tại Ga-li-lê và các vùng lân cận	4,12-18,35	1,14-10,52	4,14-9,50
3. Cuộc hành trình lên Giê-ru-sa-lem và sứ vụ tại đó	19,1-25,46	11,1-13,37	9,51-21,38
4. Cuộc thương khó và phục sinh của Đức Giê-su	26,1-28,20	14,1-16,20	22,1-24,53

b. Tin Mừng Nhất Lãm khác với Tin Mừng Gio-an :

- Tin Mừng Gio-an trình bày hoạt động của Chúa Giê-su theo một khuôn khổ riêng, khác với cách sắp xếp cũng như trình tự của Tin Mừng Nhất Lãm.
- Khi trình thuật lại các phép lạ, lời dạy cũng như hành trình rao giảng Tin Mừng của Chúa Giê-su, Tin Mừng Gio-an diễn tả với một cách thể độc đáo và khác biệt hẳn với Tin Mừng Nhất Lãm.

4. Tại sao có sự khác biệt giữa các sách Tin Mừng ?

Trong việc biên soạn các sách Tin Mừng, ngoài những nguồn tài liệu chung, có thể các thánh sử đã dùng một số tài liệu có trong giáo đoàn của mình, với những nét riêng biệt, vì thế có những sự giống nhau và khác nhau ở mỗi sách Tin Mừng. Và ngay khi dùng những tài liệu đã có sẵn, các thánh sử không chỉ chép lại nguyên văn, nhưng đã lựa chọn, tóm tắt, diễn giải thêm để thích nghi với nhu cầu và hoàn cảnh sống đức tin của độc giả. Các thánh sử có vai trò như những tác giả thực sự trong việc biên soạn các sách Tin Mừng, họ đã sử dụng tất cả khả năng cũng như phán đoán của bản

thân trong việc kiếm tìm tài liệu, lựa chọn, sắp đặt, trình bày những diễn tiến cũng như bố cục của từng cuốn sách Tin Mừng. Khi làm công việc ấy, các ngài luôn được sự soi sáng và dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, để truyền lại cho chúng ta cách trung thực về cuộc đời của Đấng Cứu Thế, về những lời nói, việc làm của Người, đồng thời cho chúng ta thấy cách tỏ tường về sứ mạng cũng như nguồn gốc xuất phát của Đức Giê-su Ki-tô.

Qua những gì chúng ta đã được học hỏi về sự hình thành của các sách Tin Mừng, chúng ta có thể rút ra một vài điểm cần lưu ý trong việc đọc và suy gẫm Lời Chúa trong các sách Tin Mừng :

- Mỗi sách Tin Mừng đều có những nét đặc sắc riêng, cách sắp xếp những sự kiện liên quan đến cuộc đời của Chúa Giê-su và việc nhấn mạnh đến từng chủ đích của mỗi sách cũng rất khác nhau, nên khi chúng ta muốn hiểu cách thấu đáo và sâu xa, thì chúng ta cần phải nhận ra những điểm khác biệt này.

- Tin Mừng đã được viết ra từ giữa Giáo Hội và cho Giáo Hội. Vì thế, chúng ta chỉ có thể hiểu Tin Mừng cách đầy đủ, nếu chúng ta đọc cùng với tất cả mọi thành phần dân Chúa trong Giáo Hội đã đọc, đã sống, và đang đọc, đang sống.

- Tin Mừng không phải là kể lại và nói về chuyện ngày xưa, nhưng là chính Lời Chúa và ý định của Người được thể hiện qua cuộc đời của Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa làm người đang nói với mỗi người chúng ta ngày hôm nay.

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Phúc Âm hay Tin Mừng là gì ?
2. Tại sao gọi là Tin Mừng Nhất Lãm ?

3. So sánh bốn Tin Mừng với nhau, chúng ta thấy có nhiều điểm khác biệt. Bạn hãy lý giải : tại sao có sự khác biệt này ?

TIN MỪNG THEO THÁNH MÁT-THÊU

I. KHÁI QUÁT TIN MỪNG THÁNH MÁT-THÊU

Trong các bản chép tay thời cổ, cũng như trong các sách in ngày nay, Tin Mừng Mát-thêu chiếm chỗ đầu tiên trong các sách Tân Ước. Mặt khác, trong các sách Tin Mừng, Tin Mừng Mát-thêu cũng là cuốn đã được dùng nhiều nhất để giảng dạy.

1. Thời gian biên soạn Tin Mừng Mát-thêu.

Theo những lời truyền lại từ thời rất xa xưa (khoảng nửa đầu thế kỷ thứ II), Tông đồ Mát-thêu đã soạn một sách sưu tập lời Chúa Giê-su dạy, bằng tiếng Hi-lạp lai hoặc bằng tiếng A-ram (một thứ tiếng dùng tại xứ Pa-lét-tin thời Chúa Giê-su). Mát-thêu là người thu thuế đã đi theo tiếng Chúa Giê-su gọi (9,9). Có lẽ ông đã soạn tập sách đó vào quãng năm 50, tức là ít năm sau khi Chúa Giê-su về trời. Về sau, vào khoảng năm 70, chính ông hoặc một người khác đã đưa vào tập sách trên và vào những tài liệu khác mà soạn ra Tin Mừng Mát-thêu bằng tiếng Hy-lạp như chúng ta có ngày nay.

2. Bố cục Tin Mừng Mát-thêu.

Khi chúng ta đọc Tin Mừng Mát-thêu, chúng ta dễ nhận ra rằng phần trung tâm của Tin Mừng Mát-thêu gồm có **5 bài giảng** quan trọng ; trước mỗi bài giảng là một đoạn thuật truyện như để sửa soạn cho chính bài giảng đó. Ngoài ra, sách còn một phần mở đầu và một phần kết thúc. Do đó, ta có thể chia dàn bài của Tin Mừng Mát-thêu như sau :

I. Mở đầu : những tích truyện về đời thơ ấu của Chúa Giê-su (1 - 2).

II. Thân :

1. Thuật truyện (4 - 5)

- Bài giảng trên núi (5 - 7)
2. Thuật truyện (8 - 9)
- Bài giảng về thái độ người môn đệ phải có (10)
3. Thuật truyện (11)
- Bài giảng về các dụ ngôn (13,1-52)
4. Thuật truyện (13,53 - 17,17.27)
- Bài giảng về tình anh em trong Giáo hội (18)
5. Thuật truyện (19 - 23)
- Bài giảng về thời cuối cùng (24 - 25)
- III. Kết thúc : Chúa Giê-su chịu khổ nạn và phục sinh (26 - 28)

II. NỘI DUNG TIN MỪNG MÁT-THÊU

1. Tin Mừng Mát-thêu chú trọng đến Giáo Hội

Đức Giê-su đến rao giảng Nước Trời (4,17). Nước Trời được thiết lập trước tiên trong lòng các môn đệ, khi họ tin theo Đức Giê-su và nhận Thiên Chúa làm chủ đời mình. Dần dần Nước Trời (Nước Thiên Chúa) mở rộng ra cho hết mọi người, nhờ hoạt động của Giáo Hội. Tin Mừng Mát-thêu rất chú trọng đến Giáo Hội và đời sống Giáo Hội. Trong số năm bài giảng của sách Tin Mừng Mát-thêu có hai bài nói về Giáo Hội (chương 10 và 18). Theo Mát-thêu, Giáo Hội là cộng đoàn gồm những người đặt niềm tin vào Chúa Giê-su và Cha Người, đồng thời sống trong tình anh em với nhau. Các Tông đồ, đứng đầu là Phê-rô, nắm vai trò chủ chốt trong Giáo Hội (16,13-19). Nhưng thầy dạy và người lãnh đạo thực sự của Giáo Hội là chính Chúa Giê-su, Đấng ở với Giáo Hội cho đến tận thế (28,20).

2. Chúa Giê-su với đạo Do Thái

Tin Mừng Mát-thêu được chép cho đối tượng là những người Do Thái, vì thế trong Tin Mừng hay nhắc đến những tập tục Do Thái mà không cần giải thích. Nhất là Mát-thêu muốn giới thiệu

cho họ biết Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế mà Thiên Chúa đã hứa và họ hằng mong đợi. Do đó, rất nhiều lần Mát-thêu dẫn chứng các lời Cựu Ước để chứng tỏ rằng những lời đó đã được thực hiện khi Chúa Giê-su đến (1,22 ; 2,5.15.17.23 ; 3,1 ; 4,2...). Chúa Giê-su quả thật là Con Thiên Chúa (16,16), nhưng Người cũng là con vua Đa-vít, là Vua người Do Thái, là Con Người, là Tội Tở đau khổ của Thiên Chúa mà các ngôn sứ đã báo trước. Nhưng dân Do Thái đã không đón nhận Người, vì thế nhiều người khác sẽ được vào Nước Trời thay họ (8,11-12).

Ông Mô-sê xưa đã ban bố luật. Chúa Giê-su đến như một Mô-sê thứ hai để ban bố luật mới. Luật này không bãi bỏ luật cũ, luật Cựu Ước, nhưng làm cho luật ấy được đầy đủ ý nghĩa (5,18). Vì thế Chúa Giê-su nhắc nhở cho người ta không chỉ giữ luật bên ngoài mà thôi, còn phải giữ cả bên trong, theo đúng tinh thần của luật, như vậy mới là cách sống đạo theo ý Thiên Chúa (5,20-47). Người đặc biệt chỉ trích những người Do Thái, nhất là nhóm Pha-ri-sêu, quá chú trọng đến việc giữ luật bên ngoài, cách tử mĩ câu nệ, rồi hãnh diện và lấy làm đủ. Người cho rằng như thế là giả hình và lợi dụng tôn giáo để lừa dối dân chúng.

III. NGƯỜI KITÔ HỮU ĐỌC TIN MỪNG MÁT-THÊU

Trong Tin Mừng Mát-thêu, ta có thể chú ý những đoạn tiêu biểu sau đây :

- Đồi thơ ấu của Chúa Giê-su (1,18 - 2,23)
- Bài giảng trên núi : luật mới của Dân Thiên Chúa (đ.5-7, trong đó có Tám Mối Phúc Thật (5,3-10) ; và kinh Lạy Cha (6,9-13)).
- Trên đường truyền đạo, người môn đệ phải xử thế nào, nhất là khi gặp khó khăn (10,5-42).
- Thánh Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa (16,13-200).
- Tình anh em trong Giáo Hội : đoàn kết, giúp đỡ, tha thứ (18).

- Chúa sẽ chiếu theo luật bác ái mà phán xét mỗi người chúng ta (25,31-46).
- Chúa Giê-su sai các môn đệ đi rao giảng Tin Mừng khắp thế gian (28,16-20).

Đọc sách Tin Mừng Mát-thêu ta có thể học được những kinh nghiệm trong đời sống đức tin sau đây :

1. Trong Giáo Hội phổ quát cũng như trong những cộng đoàn nhỏ, cần giữ giáo lý tinh tuyền, cần có tổ chức, phẩm trật, thứ tự. Nhưng phải lưu ý đừng để cho những điều ấy trở nên hình thức, cứng nhắc, câu nệ, như xác không hồn. Điều cốt yếu là trung thành gắn bó với Chúa Giê-su và yêu thương anh em.
2. Sự hiện diện Giáo Hội không những chỉ dành riêng cho mình, nhưng là để phục vụ thế giới và muôn loài thọ tạo bằng cách đem Tin Mừng cứu độ đến tận cùng trái đất. Chính khi các tín hữu ngồi chung trên con tàu Giáo Hội mà biết vui vẻ sống niềm tin vào Chúa Giê-su phục sinh và liên kết với nhau, thì họ đã trở nên những chứng nhân sống động về Chúa Giê-su.

CÂU HỎI GỢI Ý

1. *Thánh Mát-thêu viết sách Tin Mừng vào khoảng năm nào, và độc giả của ngài là ai ?*
2. *Trong bốn sách Tin Mừng, chỉ có thánh Mát-thêu và thánh Lu-ca viết về thời niên thiếu của Chúa Giê-su. Bạn hãy đọc hai trình thuật song song này và tìm ra những điểm khác biệt, bạn hãy lý giải sự khác biệt ấy.*
3. *Là người ki-tô hữu, bạn có cảm nghĩ gì khi đọc đoạn Tin Mừng theo thánh Mát-thêu 25,34-36?*

TIN MỪNG THEO THÁNH MÁC-CÔ

I. KHÁI QUÁT TIN MỪNG THÁNH MÁC-CÔ

1. Tác Giả

Truyền thống Giáo Hội sơ khai đều nhìn nhận thánh Mác-cô là tác giả Tin Mừng thứ II.

* Chứng tá về truyền thống có giá trị và quan trọng nhất là của giám mục Papi-a, ở Hi-ê-ra-pô-lít, thuộc Tiểu Á năm 120. Đây là người đã từng dự thính những buổi giảng thuyết của thánh Gio-an Tông đồ.

* Theo các sách Tân Ước : Mác-cô, tác giả sách Tin Mừng thứ II và Mác-cô được nhắc đến trong thư 1 Pr 5, 13 là một. Ngoài ra còn có một số đoạn khác có nhắc đến tác giả này như trong (Cv 12, 12. 25; Cl 4, 10).

2. Độc Giả

* Quyển Tin Mừng thứ II được viết không dành cho người Do Thái mà dành cho những người dân ngoại, đặc biệt là dân thành Rô-ma vì :

- Loại bỏ các tập tục riêng biệt của người Do Thái.
- Giải thích cặn kẽ các tập tục Do Thái được trưng dẫn trong Tin Mừng (Mc 7, 3.4; 14, 12; 15, 42).
- Những tiếng A-ram sử dụng trong Tin Mừng đều được giải thích sang ngôn ngữ La Tinh (Mc 3, 17; 5, 41; 15, 22.34).
- Sự bình đẳng của vợ chồng trong việc ly dị (Mc 10, 11.12), đây là luật của người Rô-ma, không phải luật của người Do Thái.

3. Thời gian biên soạn

- Thánh Cờ-lê-men-tê thành A-lét-xan-ri-a cho rằng thánh Mác-cô chép Tin Mừng khi thánh Phê-rô còn sống, có nghĩa vào khoảng năm 55-62.

- Thánh I-rê-nê và giám mục Pa-pi-a cho rằng tác phẩm được viết sau khi thánh Phê-rô qua đời, nghĩa là vào khoảng năm 65-67.

- Trong Tin Mừng hoàn toàn không nhắc đến biến cố đền thờ Giê-ru-sa-lem bị phá hủy (khoảng năm 70).

Vậy, Tin Mừng này được viết vào khoảng trước năm 70.

4. Bố cục Tin Mừng thánh Mác-cô

I. Dẫn Nhập : Giai đoạn dọn đường cho sứ vụ của Đức Giê-su (1,1-13).

II. Mẫu nhiệm Đấng Mê-si-a (1,14 - 8,30)

1. Đức Giê-su và dân chúng (1,14 - 3,6)
2. Đức Giê-su và người thân thuộc (3,7 - 6,6)
3. Đức Giê-su và các môn đệ (6,6 - 8,30)

III. Mẫu Nhiệm Con Người (8,31 - 16,8)

1. Con đường của Con Người (8,31 - 10,52) : Ba lần loan báo cuộc thương khó và phục sinh, kèm theo ba lần giáo huấn về số các môn đệ.

2. Phán xét Giê-ru-sa-lem (11,1 - 13,37)

3. Cuộc thương khó và phục sinh (14,1 - 16,8)

- Lời bạt : Mô trống (16,1-8)
- Phụ trương : Các lần Đức Giê-su hiện ra (16,9 - 20)

II. ĐẠO LÝ TIN MỪNG THÁNH MÁC-CÔ

1. Tin Mừng

Mác-cô mở đầu sách Tin Mừng của ngài với câu : “Khởi đầu Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa”. Ở 1,14 lại có câu : “Tin Mừng của Thiên Chúa” và 1,15 : “Tin Mừng”. Tin Mừng của Thiên Chúa chính là Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa, vì trong Đức Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa đã thực hiện lời hứa cứu độ loài người. Tin Mừng phải được loan báo cho mọi loài thọ tạo (13,10 ; 14,9 ; 16,15).

Tin Mừng ấy không chỉ là một thông điệp của Thiên Chúa mà là chính hành động của Thiên Chúa giữa loài người, khởi đầu nơi Đức Giê-su Ki-tô để rồi tiếp tục mãi trong lịch sử nhờ lời được trao cho các môn đệ.

2. Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa

Khi soạn sách Tin Mừng, thánh Mác-cô có một ý định, một mục đích : dẫn chúng ta như thể cùng đi cùng sống với các môn đệ và dần dần khám phá ra mầu nhiệm Đức Giê-su : “Người là ai ?”(4,41).

Một mặt ta thấy Đức Giê-su là một con người như bất cứ ai : một bác thợ mộc (6,3), cũng có vui, buồn, giận, bỡ ngỡ, thương xót... Người còn bông ả và trò chuyện với các trẻ nhỏ (10,14), chạnh lòng quý mến với những ai tha thiết với ơn cứu độ (10,21), trách móc người cha đứa trẻ bị kinh phong (9,19-25).

Mặt khác, qua những việc làm và lời nói của Chúa Giê-su, ta thấy, nơi Người ẩn chứa những điều bí ẩn hơn, làm cho những ai sống với Người hay gặp gỡ Người đều phải thắc mắc và có một thái độ, một phản ứng. Dân chúng khi thì tìm đến với Người (1,33.45 ; 2,13), khi thì bỡ ngỡ sửng sốt (1,27 ; 2,12 ; 5,20) ; giai cấp lãnh đạo thì thù nghịch chống đối (2,16.18.24 ; 3,1-6), họ hàng bà con cũng

không hiểu Người (3,21 ; 6,1-3.6). Ngay cả những môn đệ sống bên cạnh cũng chậm hiểu về Người (4,13 ; 6,51 ; 8,17-21).

Người là ai? Ma quỷ biết Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, nhưng Người cấm chúng không được nói ra (1,23-25.34 ; 3,11-12). Những kẻ được Người làm phép lạ, Người cũng không cho họ được nói lại với ai (1,44 ; 5,43....). Thậm chí ngay cả khi môn đệ tuyên xưng Người là Đấng Thiên Chúa đã hứa, Người cũng cấm không cho các ông được tiết lộ cho kẻ khác (8,29-30 ; 9,9). Tại sao Đức Giê-su lại đòi người ta phải giữ bí mật như thế ? Thưa : bởi vì Người không muốn cho người ta hiểu lầm về sứ mạng của Người. Người không muốn cho dân chúng tưởng rằng Người đến để đóng một vai trò chính trị, để giải thoát dân khỏi đế quốc Rô-ma. Người ta chỉ có thể hiểu đúng sứ mạng của Đức Giê-su sau khi Người đã chịu chết và phục sinh. Chỉ khi đó ý nghĩa của sứ mạng Người mới đầy đủ. Chính vì thế, sau khi Phê-rô tuyên xưng Người là Đấng Thiên Chúa sai đến, Người bắt đầu nói cho các môn đệ biết Người sẽ phải đau khổ, sẽ bị giết và sẽ sống lại (8,31 ; 9,31 ; 10,33-34).

Người chỉ công khai nhận mình là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, khi đứng trước thượng hội đồng Do Thái, vì khi đó không còn ai hiểu lầm sứ mạng của Người là phục vụ cho chính trị nữa (14,61-62). Vì thế lời tuyên xưng của viên sĩ quan Rô-ma sau khi Đức Giê-su tắt thở trên thập giá : “Đích thực người này là Con Thiên Chúa” (15,39), như là tóm kết toàn bộ cuộc tìm kiếm về mầu nhiệm Đức Giê-su, và đồng thời mở đầu cho lời tuyên xưng của Giáo Hội từ đó về sau.

NGƯỜI KI TÔ HỮU ĐỌC TIN MỪNG MÁC-CÔ

Sách Tin Mừng theo thánh Mác-cô không dài lắm, tuy nhiên qua đó cho chúng ta thấy rằng, để hiểu Chúa Giê-su cho đúng, không phải là chuyện dễ, vì chúng ta có thể hiểu sai về Người theo như cái nhìn chật hẹp của bản thân. Muốn biết Chúa Giê-su là ai, cần

phải nhìn ngắm Người với một cặp mắt mới mẻ, để thấy Người là một mẫu nhiệm khác hẳn điều ta thường nghĩ.

Muốn biết Chúa Giê-su, cần nhất là phải trải qua một thời gian lâu dài chiêm ngắm con đường của Người, dẫn thân theo Người như các môn đệ. Khi đó ta dần dần hiểu rằng : Chúa Giê-su chính là Con Thiên Chúa làm người, đã sống đời con người, đã chấp nhận cái chết, để phục vụ và cứu độ mọi người, nên người môn đệ Chúa Giê-su cũng không thể đi con đường nào khác ngoài con đường Thầy mình đã đi.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Thánh Mác-cô viết sách Tin Mừng năm nào ? và đối tượng ngài nhắm đến là ai ?*
- 2. Bạn hãy tóm tắt nội dung chính của sách Tin Mừng theo thánh Mác-cô.*
- 3. Tại sao sách Tin Mừng theo thánh Mác-cô được xếp vào loại Tin Mừng Nhất Lãm ?*

TIN MỪNG THEO THÁNH LU-CA

I. KHÁI QUÁT TIN MỪNG THÁNH LU-CA

1. Tác giả

Vì sách Công Vụ cũng bắt đầu bằng một lời tựa gửi cho nhân vật Thê-ô-phi-lô và nhắc đến quyển sách đầu tiên, nơi tác giả đã nói về “tất cả những việc Đức Giê-su làm và những điều Người dạy” (Cv 1,1-2), nên ngay từ thời Giáo Hội sơ khai, sách Tin Mừng thứ

ba và sách Công Vụ là do cùng một tác giả. Khoa chú giải hiện đại đã công nhận điểm này.

Mặt khác, theo truyền thống đã có từ thế kỷ thứ II (thánh I-rê-nê), tác giả Tin Mừng thứ ba chính là người thầy thuốc Lu-ca mà thánh Phao-lô đã nói tới ở Cl 4,14 ; Plm 24 ; 2 Tin Mừng 4,11.

Về quê quán và năm sinh của tác giả, người ta không được rõ, chỉ biết rằng tác giả được ơn trở lại ở An-ti-ô-khi-a và qua đời bên Hy Lạp.

Thánh Lu-ca là thầy thuốc, nên tác giả viết về bệnh tật một cách chính xác, và cũng vì thế lời văn của người đặc biệt rung cảm trước những đau khổ nơi thân xác con người. Tác giả lại còn có tài văn chương, thông thạo văn hóa Hy Lạp, nên tác phẩm có nhiều ưu điểm : lời văn sáng sủa, mạch lạc, nhuần nhuyễn một cách linh động theo những đề tài khác nhau, trình bày các sự kiện có trật tự và nghệ thuật. Có thể nói, ngôn ngữ trong Tin Mừng thứ ba phong phú nhất trong tất cả các sách Tân Ước.

2. Độc giả

Độc giả được nêu tên là ông Thê-ô-phi-lô, một nhân vật tượng trưng và cũng có thể là một nhân vật thiết thực. Dù sao đó cũng là một nhân vật tiêu biểu cho những người Ki-tô hữu gốc ngoại giáo và theo văn hóa Hy Lạp

Như vậy, độc giả của Tin Mừng thứ ba là cả người trong đạo lẫn ngoài đạo. Người trong đạo thì nhờ đọc Tin Mừng này mà thêm hiểu biết về Đức Ki-tô và đạo lý của Người. Còn người ngoài đạo thì, nếu đọc sách này với tinh thần vô tư và khách quan, sẽ nhận thấy Ki-tô giáo không phải là một phong trào chính trị hay một giáo phái dành cho một thiểu số, mà là một niềm tin “công giáo”, nghĩa là có thể truyền đạt đến cho mọi người ở khắp mọi nơi.

3. Thời gian biên soạn

Muốn biết thời gian biên soạn sách Tin Mừng thứ ba, phải dựa vào thời kỳ Giê-ru-sa-lem bị quân đội Rô-ma tàn phá. Tin Mừng Mát-thêu và Mác-cô có nói đến quang cảnh này, nhưng đặt nó vào viễn tượng cánh chung, còn Lu-ca thì tách rời ra. Đường như tác giả có biết thời kỳ Giê-ru-sa-lem bị bao vây và tàn phá vào năm 70 (x. 19,43-44 ; 21,20.24). Như vậy, sách phải được viết sau thời gian này ; các nhà chú giải hiện nay cho là vào thập niên 80-90, nhưng cũng có một số khác cho là sớm hơn.

Về nơi biên soạn không thấy truyền thống để lại dấu vết gì, nên cũng không thể nói chính xác được là viết ở đâu, tuy có dư luận cho rằng sách được viết ở A-khai-a hoặc bên Ai Cập. Nhưng không lấy gì làm chắc chắn và có lẽ dư luận đó muốn nói rằng Tin Mừng được loan báo chứ không phải được biên soạn tại hai nơi ấy.

4. Bố cục Tin Mừng thánh Lu-ca

Sau lời tựa, tác giả cũng theo một dàn bài đại khái giống như trong Mát-thêu và Mác-cô :

- I. Thời thơ ấu : Ông Gio-an Tẩy Giả và Đức Giê-su sinh ra và sống ẩn dật (1,5 - 2,52)
- II. Đức Giê-su chuẩn bị thi hành sứ mạng (3,1 - 4,13)
- III. Đức Giê-su rao giảng tại miền Ga-li-lê (4,14 - 9,50)
- IV. Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem (9,51 - 19,27)
- V. Đức Giê-su rao giảng tại Giê-ru-sa-lem (19,28 - 21,38)
- VI. Cuộc thương khó (22 - 23)
- VII. Sau phục sinh (24)

II. ĐẠO LÝ TIN MỪNG THÁNH LU-CA

1. Đức Giê-su là Chúa và là Đấng Cứu Thế

Khác với sách Mát-thêu và Mác-cô, nhiều lần sách Lu-ca xưng Đức Giê-su là Chúa (Kyrios), một danh hiệu trong Cựu Ước dành riêng cho Thiên Chúa(7,13.19 ; 10,1.39.41 ; 11,39...), Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế (2,11), đem ơn cứu độ đến cho mọi người

(1,69.71.77 ; 2,30 ; 19,9). Ôn cứu độ đó đã được báo trước trong Cựu Ước và sẽ thực hiện hoàn toàn trong thời sau hết, nhưng đang hiện diện trong ngày hôm nay khi Chúa Giê-su ở giữa loài người (2,11 ; 3,22 ; 4,21 ; 5,26 ; 19,9 ; 23,43).

Ôn cứu độ cốt yếu là ở chỗ Thiên Chúa tha tội cho người ta (1,77 ; 5,32 ; 19,9 ; 24,47). Chúa Giê-su đến để thể hiện tình thương tha thứ ấy, nên Người đặc biệt xử nhân từ với các kẻ có tội (5,29-32 ; 7,34 ; 23,34) và sẵn sàng tiếp đón khi họ ăn năn trở lại (7,36-50 ; 19,1-10 ; 23,39-43). Chỉ duy nhất Tin Mừng Lu-ca có ba dụ ngôn nói về lòng Chúa thương kẻ lạc đường sai lối (x. ch. 15).

Chúa Giê-su cũng để ý đến người nhỏ bé, khiêm tốn, nghèo hèn, vì họ là những người trước tiên được nghe giảng Tin Mừng (4,18 ; 6,20-21 ; 7,22 ; 10,21 ; 14,13-14.21 ; 18,15-17). Tin Mừng Lu-ca quả thật là *“Tin Mừng của lòng Chúa thương xót”*.

2. Người môn đệ phải sống thế nào ?

Trước tình thương bao la của Thiên Chúa, người tín hữu phải có thái độ nào, đáp lại làm sao ? Trước tiên là vui mừng cảm tạ. Hai chương đầu của Tin Mừng Lu-ca tràn ngập tâm tình đó, nhất là ba bài ca : của Đức Ma-ri-a (Magnificat), của ông Da-ca-ri-a và của ông già Si-mê-on (1,46-55.67-79 ; 2,29-32). Trong các chương khác, ta cũng thấy tâm tình này cũng được biểu hiện rất nhiều (6,23 ; 10,17).

Một đặc điểm khác trong đời sống tín hữu là sự cầu nguyện. Những câu đầu và cuối sách Lu-ca nói đến những người cầu nguyện - thờ phượng trong đền thờ (1,8-10 ; 24,52-53). Chúa Giê-su dạy ta cách cầu nguyện (11,1-4 : Kinh Lạy Cha), cầu nguyện khiêm nhường (18,9-14) và nhất là bền chí cho đến kỳ được (11,5-13 ; 18,1-8). Chính Người còn nêu gương cho ta : Người cầu nguyện luôn luôn, nhất là trong những giờ phút quan trọng (3,21 ; 5,16 ; 6,12 ; 9,29 ; 11,1 ; 22,32.40-46 ; 23,34 ; 24,50-51).

Lu-ca rất tế nhị, nhưng đồng thời nhiều lần cũng nhấn mạnh rằng ai muốn theo Chúa phải từ bỏ mọi sự, đến cả những tình nghĩa thân thiết nhất (12,51-53 ; 14,26-27). Theo Tin Mừng Lu-ca, Chúa Giê-su đặc biệt đòi người môn đệ phải từ bỏ của cải (12,33-34 ; 14,33 ; 18,18-23), vì tiền bạc là một cái gì giả dối, nhưng lại dễ làm cho người ta thành nô lệ nó, và vì thế người giàu có khó vào Nước Thiên Chúa (12,13-21 ; 14,33 ; 16,9-13 ; 18,24-27). Trái lại, khi từ bỏ của cải người môn đệ chứng tỏ mình hoàn toàn tín nhiệm vào Thiên Chúa quan phòng và tin rằng Người sẽ ban cho những của cải quý trọng hơn những gì vật chất (12,22-34 ; 18,28-30).

Sau cùng người môn đệ Chúa phải có lòng yêu thương bác ái. Bác ái là tha thứ, làm ơn (6,27-42 ; 17,3-4), nhất là chia sẻ với những ai thiếu thốn (6,30 ; 11,41 ; 12,33 ; 16,9 ; 18,22 ; 19,8). Những giúp đỡ vật chất không là gì, nếu ta không tự hiến chính mình : người Sa-ma-ri tốt bụng trong dụ ngôn (10,25-37) chính là gương mẫu của người biết xả thân vì người anh em.

NGƯỜI KITÔ HỮU ĐỌC TIN MỪNG LU-CA

Sách Tin Mừng Lu-ca rất phong phú, khó mà có thể chọn lựa và nói rằng đoạn nào đáng đọc hơn đoạn nào. Tuy nhiên, chúng ta có thể để ý hơn đến một ít trang đặc biệt :

- Đời thơ ấu của Chúa Giê-su (1,26 - 2,38)
- Sự mạng của Chúa Giê-su (4,16-21)
- Bác ái là gì ? (6,27-42)
- Ki-tô hữu cầu nguyện (11,1-13)
- Chúa tha cho người đàn bà tội lỗi (7,36-50)
- Người Sa-ma-ri tốt bụng (10,25-37)
- Ba dụ ngôn về lòng Chúa thương xót (15)

- Tích ông Da-kêu (19,1-10)
- Hai môn đệ trên đường đi Em-mau (24,13-15)

Tin Mừng Lu-ca có lẽ thích hợp với người thời nay hơn là Mát-thêu và Mác-cô. Khi đọc sách Tin Mừng Lu-ca, chúng ta được biết Đức Giê-su chính là Đấng Cứu Thế duy nhất có thể đem lại niềm vui và hạnh phúc thật cho con người chúng ta. Đối với những ai theo Người, Người đòi hỏi rất quyết liệt, nhất là phải sẵn sàng hy sinh tất cả, sống khó nghèo và thực hành bác ái với mọi người. Đời sống đầy tin tưởng quên mình, bác ái và vui tươi sẽ làm cho nhiều người nhận thấy tình thương của Thiên Chúa đối với nhân loại, và như vậy sẽ góp công làm cho ơn cứu độ bắt đầu có mặt ngay ngày hôm nay ở trần gian này.

CÂU HỎI GỢI Ý

1. *Thánh Lu-ca viết sách Tin Mừng năm nào và đâu là đối tượng ngài nhắm tới ?*
2. *Bạn cho biết tóm tắt : đạo lý thánh Lu-ca muốn trình bày trong sách Tin Mừng của ngài là gì ?*
3. *Thánh Lu-ca là một thầy thuốc, bạn có thể cho thấy điều này có liên hệ gì đến cách nhìn về Thiên Chúa trong Tin Mừng của ngài hay không ?*

TIN MỪNG

THEO THÁNH GIO-AN

1. KHÁI QUÁT TIN MỪNG THÁNH GIO-AN

1. Tác giả chính ?

Khi đọc Tin Mừng Gio-an, người đọc có cảm tưởng đó là cuốn sách có sự thống nhất hợp lô-gích. Nhưng khi đọc kỹ, độc giả sẽ nhận thấy những dấu vết của một tình trạng thiếu trật tự nào đó, ít nhất là bên ngoài : cuốn sách không có sự tiến triển đều đặn ; độc giả có thể gặp những đoạn như nằm ngoài văn mạch :

- Ga 3,22-30 như làm đứt đoạn diễn từ của Đức Giê-su nói với ông Ni-cô-đê-mô. Đặt 3,31 ngay sau 3,21 thì hợp lý hơn.

- Đáng lẽ chương 6 phải nằm giữa chương 4 và chương 5. Như thế lộ trình của Đức Giê-su sẽ hợp lý hơn.

- Cũng vậy, Ga 10,19-21 nằm ngay sau 9,41, vì câu 10,21 có cùng chung một chủ đề với chương 9. Và Ga 14,31 phải là câu kết của bài diễn từ cáo biệt, như thế chương 15 và chương 16 phải nằm ở nơi nào đó trước câu này.

- Ga 20,30-31 là đoạn kết của Gio-an. Vậy, rõ ràng Ga 21 là một phụ trương.

Như thế, sách Tin Mừng IV không chỉ có một tác giả duy nhất. Rất nhiều người đã đóng góp vào truyền thống Gio-an : truyền khẩu, các đơn vị văn chương... Ngoài ra còn có tác giả chính và soạn giả hoặc những soạn giả...

Nhưng tác giả chính là ai ? Theo truyền thống, tông đồ Gio-an, con ông Dê-bê-đê và em ông Gia-cô-bê, đã viết sách Tin Mừng thứ IV. Cuối thế kỷ thứ II, vào năm 180, thánh I-rê-nê đã quả quyết điều này.

2. Nơi và năm biên soạn

Sách Tin Mừng thứ IV được soạn thảo tại miền Tiểu Á theo lời chứng của thánh Giê-rô-ni-mô và Ê-pi-phan. Thánh I-rê-nê thì nói rõ : tại Ê-phê-xô. Nói chung các học giả công nhận ý kiến này. Tuy nhiên, sách Tin Mừng thứ IV không phải chỉ có một tác giả duy nhất, nên chắc phải phân biệt như sau : 1) những phần của chính thánh Gio-an đã được soạn thảo tại Ê-phê-xô ; còn về các phần khác do các soạn giả và các đồ đệ của thánh Gio-an soạn thảo thì khó mà xác định được là ở Ê-phê-xô hoặc ở nơi khác.

Theo thánh I-rê-nê và ông Cơ-lê-men-tê A-lê-xan-ri-a, có lẽ thánh Gio-an đã sống đến thời hoàng đế Tra-gia-nô (98-117). Như thế, nếu trừ đi thời gian cần thiết để phổ biến sách Tin Mừng, chúng ta có thể nghĩ rằng sách Tin Mừng thứ IV đã được viết vào khoảng những năm cuối thế kỷ thứ I.

3. Bố cục Tin Mừng Gio-an

Có nhiều kiểu phân chia sách Tin Mừng thứ IV . Mỗi kiểu phân chia dựa trên vài điểm làm nền tảng. Khó có thể hướng về một kiểu nhất định, duy nhất. Vì thế, xin tạm đề nghị kiểu phân chia sau đây tương đối hợp lý hơn cả.

I. Lời tựa (1,1-18)

II. Sứ vụ của Đức Giê-su (1,19 - 12,50)

1. Loan báo nhiệm cục mới (1,19 - 4,54)

2. Lễ thứ II tại Giê-ru-sa-lem (5,1-47)

3. Lễ Vượt Qua. Diễn từ về bánh trường sinh (6,1 - 7,1)

4. Lễ Lều (7,1 - 10,21)

5. Lễ Cung hiến Đền Thờ (10,22 - 11,54)

6. Sứ vụ công khai của Đức Giê-su kết thúc (11,55 - 12,50)

III. Giờ của Đức Giê-su.

Lễ Vượt Qua của Chiên Thiên Chúa (13,1 – 20,31)

1. Bữa ăn cuối cùng của Đức Giê-su với các môn đệ (13,1 – 17,26)
2. Cuộc thương khó (18,1 – 19,42)
3. Ngày phục sinh (20,1-29)
4. Kết luận thứ nhất (20,30-31)

IV. Đoạn cuối.

II. ĐẠO LÝ TIN MỪNG THÁNH GIO-AN

1. Mầu nhiệm Đức Giê-su và sứ mạng cứu độ của Người.

Gio-an chép Tin Mừng để nói cho chúng ta biết rằng Đức Giê-su là Đức Ki-tô, là Đấng Cứu Thế, là Con Thiên Chúa, và nhờ tin mà được sống (20,31). Vậy Đức Giê-su là ai ?

a. Đối với Thiên Chúa, Đức Giê-su là Ngôi Lời của Thiên Chúa, tự đời đời vốn ở với Thiên Chúa, nay đã xuống thế làm người (1,1-14) ; là Con Thiên Chúa (1,14.18 ; 3,16-18 ; 10,30-38 ; 14,10-11 ; 17,23), Người với Chúa Cha là một (10,30), vốn được vinh hiển ở bên Chúa Cha trước khi có trời đất (17,5.24), nhưng đã đến trần gian để cho nhân loại biết Chúa Cha và tình yêu của Người (17,6), rồi sẽ trở về với Chúa Cha (13,1 ; 16,28).

b. Đối với chúng ta, Đức Giê-su là câu trả lời duy nhất thỏa mãn những câu hỏi, những thắc mắc của con người, là Đấng duy nhất mang lại ơn cứu độ. Để nói lên những gì Đức Giê-su đem lại cho chúng ta, Tin Mừng Gio-an ưa dùng những hình ảnh tượng trưng :

- Người là *sự sáng*, đến để soi sáng loài người còn ở trong bóng tối, nghĩa là cứu họ khỏi uy quyền của ma quỷ, của tội lỗi và sự chết (1,9 ; 8,32 ; 9,1-39 ; 12,46), là *đường* dẫn nhân loại đến với Chúa Cha (1,18 ; 14,4-9), là *sự thật* nói cho ta biết về Chúa Cha và ý định cứu độ của Người (14,6 ; 8,32), là *sự sống* và là *sự sống lại*, làm cho ta được sống thật và sống mãi (11,25-26), là bánh bởi trời, một thứ bánh mà ai ăn sẽ không bao giờ còn đói khát và sẽ sống đời đời (6,26-58), là cửa chuồng chiên, qua đó ta vào hưởng các ân

huệ Thiên Chúa ban (10,7-9), là cây nho thật, và ta phải liên kết với Người bằng đức tin mới sinh hoa trái dồi dào (15,1-9), là đền thờ mới, nơi Thiên Chúa ngụ giữa loài người (2,21).

- Chúa Giê-su đã chết để cứu chúng ta : Người là Mục Tử nhân lành, yêu thương và chăm sóc bầy chiên hết lòng, sẵn sàng thí mạng để cứu bầy chiên (10,11-18), là Chiên Thiên Chúa, chiên vô tội gánh lấy tội lỗi trần gian và hy sinh mạng sống để cứu trần gian (1,29), là Đấng bị treo lên, để ai nhìn lên Người với lòng tin tưởng thì sẽ được cứu (12,32-33).

2. Chúng ta sống với Chúa Giê-su

a. “Tin”

Đức Giê-su dùng các “dấu lạ” để khơi dậy đức tin nơi những kẻ đi theo Người (2,11.23 ; 4,45.53 ; 11,15.45.48). Lời rao giảng, giáo huấn của Đức Giê-su cũng nhắm mục tiêu tạo điều kiện cho đức tin nảy sinh nơi tâm hồn các thánh giả (2,22 ; 4,41.50 ; 17,8). Tuy nhiên, đức tin của con người cuối cùng đặt vào chính Đức Giê-su : 1,7 (tin vào Đức Giê-su là “*ánh sáng*”) ; 4,39.42 ; 5,24.38 ; 6,29.35.37.44.45.65.70 ; 7,31.38.39 ; 8,24.30....

Theo Gio-an, tin là đón tiếp Đức Giê-su (1,12 ; 5,43), là nhận biết Chúa Cha và Đức Giê-su (17,3), là đến với Đức Giê-su (3,20-21 ; 5,40 ; 6,35.37.44.45 ; 7,37-38 ; 14,6), nhận ra Người là Đấng Chúa Cha sai đến thế gian (5,24.38 ; 17,8.21.23.25).

Nhiều người đã từ khước Đức Giê-su, không chịu đón nhận Người và lời của Người (3,32 ; 5,43 ; 6,36 ; 7,5 ; 8,45-46 ; 10,25-26 ; 12,37.48 ; 16,9). Họ không chịu tin như tông đồ Tô-ma đã không tin (20,25.27.29). Họ không tin, nên đã bị lên án rồi (3,18).

b. “Được sự sống”

Ai tin thì không bị lên án (3,18). Người Ki-tô hữu “có sự sống” nơi mình, vì được ăn thịt và uống máu Đức Giê-su (6,53), vì thuộc đoàn chiên của Người (10,10). Vì tin, nên tín hữu “có sự sống”

hoặc “có sự sống đời đời” (3,15-16.36 ; 5,24.40 ; 6,40.47 ; 11,26 ; 20,31). “Sự sống đời đời” là sự sống mới mà tín hữu lãnh nhận được trong thời cuối cùng như ân huệ do Đấng Mê-si-a mang đến. Có “sự sống đời đời” là hiểu biết Chúa Cha cách thực thụ và trọn vẹn, yêu mến Người và gắn bó sâu xa với Người ; sự hiểu biết và lòng yêu mến này chỉ đạt được khi tín hữu hiểu biết và yêu mến Chúa Ki-tô. Ngay từ bây giờ, tín hữu đã lãnh nhận sự sống ấy rồi (3,36 ; 5,42 ; 6,40.68).

III. NGƯỜI KI-TÔ HỮU ĐỌC TIN MỪNG GIO-AN

Dưới đây là những trang tiêu biểu cho Tin Mừng Gio-an:

- Bài tựa (1,1-18)
- Chúa Giê-su gọi các môn đệ đầu tiên (1,35-51)
- Tiệc cưới tại Ca-na (2,1-12)
- Nói chuyện với người đàn bà xứ Sa-ma-ri (4,1-41)
- Hóa bánh ra nhiều ; bài giảng về bánh trường sinh (6)
- Chữa người mù từ khi mới sinh (9)
- Chúa Giê-su là người Mục Tử tốt lành (10)
- Làm cho anh La-da-rô sống lại (11)
- Chung quanh bữa ăn sau cùng (13-17)
- Hiện ra bên bờ hồ với các môn đệ (21)

Hơn các sách Tin Mừng khác, Tin Mừng Gio-an có một chiều sâu đặc biệt, nên cần phải được suy niệm trong tĩnh lặng và cầu nguyện, chúng ta mới có thể phần nào hiểu được tình yêu mà Thiên Chúa đã dành cho con người. Chính bởi tình yêu đó, mà Người đã sai Con Một là Chúa Giê-su Ki-tô đến để cứu chúng ta. Bằng những “dấu lạ”, những bài giảng, những lần trò chuyện, Chúa Giê-su đã chỉ cho ta thấy Người là Sự Sống thật, là Ánh Sáng đem ơn cứu độ đến trần gian, ai tin vào Người thì sẽ được sống và sống muôn đời.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Tin Mừng thứ IV được viết năm nào và ai là tác giả ?*
- 2. Những việc lạ Chúa Giê-su làm, thánh Gio-an không gọi là phép lạ. Bạn hãy cho biết tác giả gọi những việc ấy là gì ? Tại sao ?*
- 3. Theo bạn, đâu là điểm khó khăn khi đọc Tin Mừng theo thánh Gio-an ?*